DAESANG

DAESANG CORPORATION
26, CHEONHODAE-RO, DONGDAEMUN-GU,
SEOUL, 130-706, KOREA
Tel : 82-2-2220-9607
Fax : 82-2-2220-9849

CERTIFICATE OF ANALYSIS

COMMODITY : Olive oil Seaweed snack
PURPOSE OF ANALYSIS : EXPORT
TEST DATE : SEP., 03. 2018

RESULT OF TEST		
ITEMS (UNIT)	**STANDARD SPECIFICATION**	**ANALYTICAL DATA**
Appearance	Close to standard sample	Approved
Moisture(%)	≤2.5	1.0
Foreign materials	Less than 10.0(mg/kg)	Not Detected
Tar color	Not detected	Not Detected
Aflatoxin (μg/kg)	≤15	Not Detected
Aflatoxin B1 (μg/kg)	≤5	Not Detected
Cadimi (mg/ kg)	≤0.05	Not detected
Hg (mg/ kg)	≤0.5	Not detected
Total bacteria count (CFU/g)	10^5	8,000
Coliforms (CFU/g)	≤10	Negative
E.Coli (MPN/g)	≤ 3	Negative
Salmonella (/25g)	Not detected	Not detected
V. Parahaemolyticus (CFU/g)	≤ 10	Not detected
Cl.perfrigens (CFU/g)	≤10	Negative
yeast & Mold (CFU/g)	≤10	0
S.aureus (CFU/g)	≤10	Negative

ITEMS (UNIT)	**NUTRITIONAL ANALYSIS(Per 100g)**
Energy (Kcal)	**545.0**
Carbohydrate (g)	**25.4**
Sugar (g)	**0.0**
Protein (g)	**24.3**
Fat (g)	**42.5**
Saturated Fat (g)	**7.1**
Sodium (g)	**4.0**

*** MANUFACTURER** : **JIN YANG COMPANY, LTD**

*** ADDRESS** : **1024 GYEONGCHUNG- DAERO, GANAM- EUP, YEOJU- SI, GYEONGGI-DO, KOREA**

*** REPRESENTATIVE** : **MR. JUNG BAE LIM**

*** PACKING UNIT** : **4 g X 2 bag**

DAESANG CORPORATION
JUNG BAE Lim
President J. B. LIM

3종 공통사용

올리브유재래김 4g_동남아시아_진양,일품										
종류	파우치	인쇄		*BI	*BI					
규격	255×175	10	4원색	P312c	P289c	P469c	바탕별색	간지_패턴	백색	광택
대상	박태진/2220-9469 GNC									
업체	원고:코마/제판:응덕/인쇄:경원화성		신규/2018.03.26.		출고/2018.06.07. 수정					

수정내용	※실리카겔 인팩
2018.03.26. 신규 2018.06.07. 할랄인증마크 삭제	

▲ Tear Here

How to enjoy Seaweed Snack
- Simply as a snack.
- Sprinkle on your favorite salad or soup.
- As a topping on any of your favorite dish.
- Over rice.

Storage
- Store in a cool and dry place.

Nutrition Information

Typical Values per 100g	
Energy	2280 kJ/545 kcal
Fat	42.5g
of which saturated	7.1g
Carbohydrate	25.4g
of which Sugars	0g
Protein	24.3g
Salt	4.0g

* This bag contains a small desiccant packet of silica gel to absorb moisture. Please do not eat this packet.

- Best Before(DD/MM/YYYY) : Labeled on front side of package

- Exported by : DAESANG CORPORATION 26, Cheomho-daero, Dongdaemun-Gu, Seoul, Korea

PRODUCT OF KOREA

청정원 O'Food

OLIVE OIL SEAWEED SNACK

올리브유 재래김

청정원 O'Food

OLIVE OIL SEAWEED SNACK

올리브유 재래김

청정원 O'Food

OLIVE OIL SEAWEED SNACK

올리브유 재래김

Net Wt 0.14 oz (4 g)

How to enjoy Seaweed Snack

Nutrition Facts

Serving Size 4 g
Servings Per Container 1

Amount Per Serving	
Calories 20	Calories from Fat 15
	%Daily Value*
Total Fat 1.5g	2%
Saturated Fat 0g	0%
Trans Fat 0g	
Cholesterol 0mg	0%
Sodium 61mg	3%
Total Carbohydrate 1g	0%
Dietary Fiber Contains less than 1g	4%
Sugars 0g	
Protein Contains less than 1g	
Vitamin A 0%	Vitamin C 6%
Calcium 0%	Iron 0%

* Percent Daily Values are based on a 2,000 calorie diet. Your daily values may be higher or lower depending on your calorie needs:

	Calories: 2,000	2,500
Total Fat	Less than 65g	80g
Sat Fat	Less than 20g	25g
Cholesterol	Less than 300mg	300mg
Sodium	Less than 2,400mg	2,400mg
Total Carbohydrate	300g	375g
Dietary Fiber	25g	30g

- **Ingredients** : Dried Traditional Laver, Corn Oil, Seasoning Salt, Olive Oil, Sesame oil, Herb extract DS

- Packing Type : Inner(PP), Tray(PET)

8 801052 047638

HACCP ccm

12

151

12

15 30 42.5 80 42.5 30 15

3종 공통사용

DAESANG	올리브유재래김 4g×2_동남아시아_진양						
종 류	번들 파우치	인쇄도수	*C	*BI	*BM		
구 격	380×230	6	P312c	Y	P289c	백색	견본색	K
디자인팀	박신영/2220-9212						
마케팅팀	글로벌 마케팅팀_김빛	협력업체_원고:코마/제판:응덕/인쇄:경원화성					

수정내용
2018.03.27. 신규(신규격)
2018.06.07. 전면_할랄인증마크 삭제
2018.12.10. Manufactured by: JINYANG Co., Ltd. 추가

24
83
166
83
16

12 206 12

O'Food

OLIVE OIL SEAWEED SNACK

올리브유재래김

How to enjoy Seaweed Snack
- Simply as a snack.
- Sprinkle on your favorite salad or soup.
- As a topping on any of your favorite dish.
- Over rice.

Storage · Store in a cool and dry place.

- **Ingredients :** Dried Traditional Laver, Corn Oil, Seasoning Salt, Olive Oil, Sesame oil, Herb extract DS
- Packing Type : Inner(PP), Tray(PET)
- Best Before(DD/MM/YYYY) : Labeled on front side of package
- Manufactured by: JINYANG Co., Ltd, 1024, Gyeongchung-daero, Ganam-eup, Yeoju-si, Gyeonggi-do, Korea
- Exported by : DAESANG CORPORATION 26, Cheonho-daero, Dongdaemun-Gu, Seoul, Korea

PRODUCT OF KOREA

Nutrition Information

Typical Values per 100g

Energy	2280 kJ/545 kcal
Fat	42.5g
of which saturated	7.1g
Carbohydrate	25.4g
of which Sugars	0g
Protein	24.3g
Salt	4.0g

8 801052 047591

※This bag contains a small desiccant packet of silica gel to absorb moisture. Please do not eat this packet.

Nutrition Facts

Serving Size 4 g
Servings Per Container 2

Amount Per Serving
Calories 20 Calories from Fat 15
%Daily Value*

Total Fat 1.5g	2%
Saturated Fat 0g	0%
Trans Fat 0g	
Cholesterol 0mg	0%
Sodium 65mg	3%
Total Carbohydrate 1g	0%
Dietary Fiber Contains less than 1g	4%
Sugars 0g	
Protein Contains less than 1g	

Vitamin A 0% · Vitamin C 0%
Calcium 0% · Iron 0%

* Percent Daily Values are based on a 2,000 calorie diet. Your daily values may be higher or lower depending on your calorie needs:

	Calories:	2,000	2,500
Total Fat	Less than	65g	80g
Sat Fat	Less than	20g	25g
Cholesterol	Less than	300mg	300mg
Sodium	Less than	2,400mg	2,400mg
Total Carbohydrate		300g	375g
Dietary Fiber		25g	30g

Net Wt 0.14 oz(4 g)×2

How to enjoy Seaweed Snack
- Simply as a snack.
- Sprinkle on your favorite salad or soup.
- As a topping on any of your favorite dish.
- Over rice.

Storage
- Store in a cool and dry place.

Nutrition Information

Typical Values per 100g	
Energy	2280 kJ/545 kcal
Fat	42.5g
of which saturated	7.1g
Carbohydrate	25.4g
of which Sugars	0g
Protein	24.3g
Salt	4.0g

※This bag contains a small desiccant packet of silica gel to absorb moisture. Please do not eat this packet.

- Best Before(DD/MM/YYYY) : Labeled on front side of package

- Exported by :
DAESANG CORPORATION
26, Cheonho-daero, Dongdaemun-Gu, Seoul, Korea

PRODUCT OF KOREA

청정원 O'Food

OLIVE OIL SEAWEED SNACK
올리브유 재래김

▲ Tear Here

청정원 O'Food

OLIVE OIL SEAWEED SNACK

올리브유 재래김

Net Wt 0.14 oz (4 g)

How to enjoy Seaweed Snack


Side dish with rice


Sprinkle on fried rice or fried noodle


Snack

Nutrition Facts
Serving Size 4 g
Servings Per Container 1

Amount Per Serving	
Calories 20	Calories from Fat 15
	%Daily Value*
Total Fat 1.5g	2%
Saturated Fat 0g	0%
Trans Fat 0g	
Cholesterol 0mg	0%
Sodium 65mg	3%
Total Carbohydrate 1g	0%
Dietary Fiber Contains less than 1g	4%
Sugars 0g	
Protein Contains less than 1g	
Vitamin A 0%	Vitamin C 6%
Calcium 0%	Iron 0%

* Percent Daily Values are based on a 2,000 calorie diet. Your daily values may be higher or lower depending on your calorie needs:

	Calories: 2,000	2,500
Total Fat	Less than 65g	80g
Sat Fat	Less than 20g	25g
Cholesterol	Less than 300mg	300mg
Sodium	Less than 2,400mg	2,400mg
Total Carbohydrate	300g	375g
Dietary Fiber	25g	30g

- **Ingredients :** Dried Traditional Laver, Corn Oil, Seasoning Salt, Olive Oil, Sesame oil, Herb extract DS

- Packing Type : Inner(PP), Tray(PET)

8 801052 047638

안전관리인증 HACCP
ccm 스비자중심경영

BẢN DỊCH
TRANSLATION

HACCP

GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ÁP DỤNG HACCP

Giấy chứng nhận số: 2011-165

Giám đốc: KIM HYUNG NO (Ngày sinh: 24/08/1964)

Tên cơ sở : NHÀ MÁY JIN YANG YEOJU

1024, Gyeongchung-daero, Ganam-eup, Yeoju-si, Gyeonggi-do, Hàn Quốc

Phạm vi các mặt hàng: Chế biến thủy hải sản

Giấy chứng nhận này chứng nhận rằng những điều trên được chỉ định là cơ sở áp dụng HACCP theo Điều 48.3 của Luật vệ sinh thực phẩm và Điều 63.3 Quy tắc thực thi của Luật vệ sinh thực phẩm.

Ngày phát hành: Ngày 06 tháng 4 năm 2016

Ngày áp dụng HACCP: Ngày 19 tháng 4 năm 2011

(Đã ký)

Viện trưởng

Viện kiểm định an toàn thực phẩm Hàn Quốc

LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN
NOTARY TESTIMONY

Hôm nay, ngày 08 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Văn phòng Công chứng Trương Thị Nga, A4 - TT19 Khu đô thị Văn Quán, Yên Phúc, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.
Today, 08 January 2019 at Truong Thi Nga Notary Office, A4 – TT19 Van Quan urban area, Yen Phuc, Phuc La Ward, Ha Dong District, Hanoi City
Tôi là Công chứng viên Văn phòng Công chứng Trương Thị Nga, số A4 - TT19 Khu đô thị Văn Quán, Yên Phúc, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.
I, the undersigned, Notary Public of Truong Thi Nga Notary Office, A4 – TT19 Van Quan urban area, Yen Phuc, Phuc La Ward, Ha Dong District, Hanoi City.

CHỨNG NHẬN:
CERTIFY THAT:

- Bản dịch này do Phan Thị Hiếu, CMND số: 187317486, cấp ngày 18/12/2014 tại Nghệ An, là cộng tác viên phiên dịch của Văn phòng Công chứng Trương Thị Nga, A4 - TT19 Khu đô thị Văn Quán, Yên Phúc, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, đã dịch từ **tiếng Anh sang tiếng Việt.**
- This is translation from **English to Vietnamese** by Mrs. Phan Thi Hieu, ID No. 187317486 issued on 18/12/2014 in Nghe An, who is translation collaborator of Truong Thi Nga Notary Office, A4 – TT19 Van Quan urban area, Yen Phuc, Phuc La Ward, Ha Dong District, Hanoi City.
- Chữ ký trong bản dịch đúng là chữ ký của bà Phan Thị Hiếu;
- Signature in the translation is the true and authentic signature of Mrs. Phan Thi Hieu;
- Nội dung của bản dịch chính xác, không vi phạm pháp luật, không trái với đạo đức xã hội;
- The contents of the translation are correct and do not violate the law or social morality.
- Bản dịch gồm tờ, trang, lưu một bản tại Văn phòng Công chứng Trương Thị Nga, A4 - TT19 Khuđô thị Văn Quán, Yên Phúc, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.
- The translation includes sheets, pages, one of which is retained in Truong Thi Nga Notary Office, A4 – TT19 Van Quan urban area, Yen Phuc, Phuc La Ward, Ha Dong District, Hanoi City.

Số công chứng: 430 **; Quyển số: 01 -TP/CC-SCC/BD**
Notarized No. **; Book No.: 01 -TP/CC-SCC/BD**

Người dịch
Translation Collaborator

Phan Thi Hieu

CÔNG CHỨNG VIÊN
NOTARY PUBLIC

S.Đ.K.H.Đ: 113-C.T.H.Đ
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG TRƯƠNG THỊ NGA
Q.HÀ ĐÔNG - T.P HÀ NỘI

CÔNG CHỨNG VIÊN
Trương Thị Nga

HACCP

CERTIFICATE OF
HACCP APPLIED ESTABLISHMENT

Certificate No. : 2011-165

Manager : KIM HYUNG NO (Birth Date : 1964/08/24)

Name of Est. : JIN YANG YEOJU FACTORY

1024, Gyeongchung-daero, Ganam-eup, Yeoju-si, Gyeonggi-do, Republic of Korea

Scope of Subject Items : Processed marine products

This is to certify that the above is designated as HACCP applied establishment in accordance with Article 48.3 of the Food Sanitation Act and Article 63.3 the Enforcement Rule of the Food Sanitation Act.

Issuing Date : April / 06 / 2016

HACCP Applied Date : April / 19 / 2011

Hye Young Oh

The Director of Korea Institute for Food Safety Management Accreditation

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty TNHH Miwon Việt Nam

Địa chỉ: đường Sông Thao, phường Thọ Sơn, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

KẾ HOẠCH GIÁM SÁT ĐỊNH KỲ

Sản phẩm: Olive oil seaweed snack- Rong biển ăn liền tẩm dầu oliu

Các chỉ tiêu kiểm tra:

+ Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu
+ Chỉ tiêu kim loại nặng
+ Chỉ tiêu vi sinh vật

1. **Tần xuất kiểm tra**
   + Định kỳ lấy mẫu kiểm tra 06 tháng/lần
2. **Nơi kiểm tra:**
   + Gửi mẫu tại trung tâm kiểm nghiệm độc lập được công nhận.

Phú Thọ, ngày 17 tháng 01 năm 2019

Công ty TNHH Miwon Việt Nam

M.S.D.N: 2600109933 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH MIWON VIỆT NAM
TP. VIỆT TRÌ - T. PHÚ THỌ

TỔNG GIÁM ĐỐC

SHIN SANG HO

DANH MỤC SẢN PHẨM
Trạng thái hồ sơ
Thông tin về một doanh nghiệp cụ thể
Vai trò của cá nhân
Sản phẩm theo yêu cầu

Tên doanh nghiệp:
CÔNG TY TNHH MIWON VIỆT NAM

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài:
MIWON VIET NAM COMPANY LIMITED

Tên doanh nghiệp viết tắt:
MIWON VIET NAM CO.,LTD

Tình trạng doanh nghiệp:
Đang hoạt động

Mã số doanh nghiệp:
2600109933

Loại hình doanh nghiệp:
Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên

Ngày bắt đầu thành lập:
10/09/2010

Tên người đại diện theo pháp luật
KIM MYEONG YU

Địa chỉ trụ sở chính:
Phố Sông Thao, Phường Thọ Sơn, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

Phố Sông Thao, Phường Thọ Sơn, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

Mẫu dấu

M.S.D.N:2600109933-C.T.T.N.H.H CÔNG TY TNHH MIWON VIỆT NAM TP.VIỆT TRÌ-T.PHÚ THỌ

Ngành, nghề theo Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh
1062	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột Chi tiết: Sản xuất tinh bột sắn, tinh bột biến tính
1072	Sản xuất đường Chi tiết: Sản xuất đường mạch nha
1074	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự Chi tiết: Sản xuất mỳ ăn liền
1079 (Chính)	**Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu** **Chi tiết: Sản xuất mỳ chính từ quy trình lên men và sản phẩm phụ (phân bón lỏng, phân bón rắn); sản xuất bột canh, muối tinh gia vị, nước chấm, tương ớt, bột chiên; Chế biến cà phê, dầu vừng, hồ tiêu và đóng gói mỳ chính, sản xuất tương ớt, bột chiên, gia vị và nước chấm, Sản xuất các chế phẩm thực phẩm theo mã HS: 21.06.**
4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn các mặt hàng theo các mã HS sau: + Nhóm các mặt hàng vừa làm nguyên liệu sản xuất đầu vào, vừa phục vụ mục đích kinh doanh của Công ty: các loại sản phẩm plastic, mã HS: 39.23, 39.25, 35.03. + Nhóm các mặt hàng phục vụ mục đích kinh doanh của Công ty, bao gồm các mã HS: 35.01, 35.02, 35.04, 35.05, 35.06, 35.07; Hợp chất chức carboxyamit, hợp chất chức amit của axit carbonic, mã HS: 29.24 + Nhóm các mặt hàng phục vụ mục đích kinh doanh của Công ty Các hợp chất chức Carboxyimit và hợp chất của nó, mã HS: 29.25, các chất gắn cho khuôn đúc, mã HS: 38.24
4620	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: - Bán buôn các mặt hàng thực phẩm chế biến từ nông, thủy, hải sản gồm các mã HS: 19.02, 19.03.00.00, 19.04, 19.05; - Bán buôn các mặt hàng rau, một số loại củ, thân củ và rễ ăn được gồm các mã HS: 07.01, 07.02, 07.03, 07.04, 07.05, 07.06, 07.07, 07.08, 07.09, 07.10, 07.11, 07.12, 07.13, 07.14.
4632	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: - Bán buôn sản phẩm mỳ chính, cà phê, dầu vừng, hồ tiêu - Bán buôn các mặt hàng theo các mã HS sau: + Nhóm các mặt hàng vừa làm nguyên liệu sản xuất đầu vào, vừa phục vụ mục đích kinh doanh của Công ty: Các loại bột và tinh bột gồm các mã HS: 11.01, 11.02, 11.03, 11.04, 11.05, 11.06, 11.08; các Axit Glutamic và muối của chúng bao gồm các mã HS: 29.22.42, 29.34; các loại đường gồm các mã HS: 17.02, 17.03 + Nhóm các mặt hàng phục vụ mục đích kinh doanh: Bao gồm các mã HS: 12.01, 12.08, 12.10, 12.11, 12.12, 16.01, 16.02, 16.03, 16.04, 16.05, 19.01, 19.02, 19.03, 19.04, 19.05, 20.01, 20.02, 20.03, 20.04, 20.05, 20.06, 20.07, 20.08, 20.09, 21.01, 21.02, 21.03, 21.04, 21.06. + Nhóm các mặt hàng phục vụ mục đích kinh doanh của Công ty, bao gồm: Quả và hạt có dầu, có mã HS 12.07, Margarine và các chế phẩm, có mã HS 15.17, Các hợp chất amino chức oxy, mã HS: 29.22; - Bán buôn các mặt hàng bột và tinh bột, gồm các mã HS: 11.01, 11.02, 11.03, 11.04, 11.05, 11.06, 11.08 - Bán buôn các mã HS: 03.02, 03.05, 03.06, 03.07 và các loại nông sản. - Bán buôn các thực phẩm chế biến từ trái cây gồm các mã HS: 08.01, 08.02, 08.04, 08.05, 08.06, 08.07, 08.08, 08.09, 08.10, 08.11, 08.12, 08.13, 08.14.
8299	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH PHÚ THỌ
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

Mã số doanh nghiệp: 2600109933

Đăng ký lần đầu: ngày 10 tháng 09 năm 2010

Đăng ký thay đổi lần thứ: 5, ngày 23 tháng 11 năm 2018

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MIWON VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MIWON VIET NAM COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: MIWON VIET NAM CO.,LTD

2. Địa chỉ trụ sở chính

Phố Sông Thao, Phường Thọ Sơn, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

Điện thoại: *02103848717* Fax:

Email: Website:

3. Vốn điều lệ 738.862.128.000 đồng

Bằng chữ: Bảy trăm ba mươi tám tỷ tám trăm sáu mươi hai triệu một trăm hai mươi tám nghìn đồng

(Tương đương với 34.976.000,00 USD)

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; MSDN đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	TẬP ĐOÀN DAESANG	96-48 Sinseoul-dong,Dongdaemun, Seoul, Hàn Quốc	687.940.393.500	93,108	109-81-14886	
2	KENTJANA WIDJAJA	5 Kalimantan, Surbaya, Indonesia	50.921.734.500	6,892	A290274	

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: KIM MYEONG YU Giới tính: *Nam*

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám đốc

Sinh ngày: *08/02/1966* Dân tộc: Quốc tịch: *Hàn Quốc*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Hộ chiếu nước ngoài*

Số giấy chứng thực cá nhân: *M54480888*

Ngày cấp: *26/11/2009* Nơi cấp: *Bộ Ngoại giao và Thương mại Hàn Quốc*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *606dong 1902ho, 362, Buljeong-ro, Bundang-gu, Gyeonggi-do, Hàn Quốc*

Chỗ ở hiện tại: *Phòng số 503, tòa nhà Công ty TNHH Miwon Việt Nam, đường 19/8, Phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

* Họ và tên: SHIN SANGHO Giới tính: *Nam*

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: *15/05/1972* Dân tộc: Quốc tịch: *Hàn Quốc*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Hộ chiếu nước ngoài*

Số giấy chứng thực cá nhân: *M53571816*

Ngày cấp: *21/11/2016* Nơi cấp: *Bộ Ngoại giao Hàn Quốc*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Judong 417-1012, 214 Gil 21, Dongil - Ro, Nowon-Gu, Seoul, Hàn Quốc*

Chỗ ở hiện tại: *Phòng A2001, tầng 11, khu căn hộ Keangnam Hà Nội Landmark Tower, Lô E6, khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

KT. TRƯỞNG PHÒNG

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH PHÚ THỌ
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ DOANH NGHIỆP

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Thị Bích Liên